

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2023/HC-ST

Ngày: 09 - 3 - 2023

V/v “Khởi kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Thái

Ông Nguyễn Ngọc Cang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyệt Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 155/2022/TLST-HC ngày 12/10/2022 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp Xử phạt vi phạm hành chính và Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST-HC ngày 15/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HC ngày 29/12/2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 26/2023/TB-TA ngày 31/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/TB-TA ngày 07/02/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-HC ngày 03/3/2023; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 06/2023/QĐST-HC ngày 07/3/2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Đức Du H1, sinh năm 2001. Thường trú: số 159/9D đường Đ, phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 687/5 Cách Mạng Tháng Tám, phường L, Tp B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

+ Bà Trần Thị H3, sinh năm 1997. Địa chỉ: số 445 Võ Thị Sáu, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bà H3 có mặt, ông H2 xin vắng mặt)

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn H4 - Chủ tịch UBND

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim P - Phó Chủ tịch UBND

Địa chỉ: số 1939 Quốc lộ 55, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Mạch Văn L - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn X - Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (vắng mặt).

+ Ông Phan Thành H5 - Quyền Chủ tịch UBND xã P, huyện L (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1963

+ Bà Nguyễn Thị Mai H6, sinh năm 1970

+ Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994

+ Ông Nguyễn Đức H7, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bà Hương có mặt; những người còn lại xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức Du H1 và người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:*

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2286/QĐ-XPHC ngày 15/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L;

- Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2601/QĐ-CCXP ngày 05/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Cơ sở của yêu cầu khởi kiện:

Ngày 10/11/2019 ông Nguyễn Văn T1, bà Võ Thị D thỏa thuận chuyển nhượng cho mẹ ông H1 (bà Nguyễn Thị Mai H6) thửa đất số 45 tờ bản đồ 21 diện tích 930 m², đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến năm 2043 do UBND huyện L cấp GCNQSD đất ngày 16/11/2012. Trên đất có 01 căn nhà bê tông cốt thép đang được sử dụng, nhưng chưa hoàn thiện. Sau đó, bà Hương đồng ý để ông H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/5/2021, ông T1 bà D đã ký sang nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên tại phòng Công chứng cho ông H1

và ông H1 đã thực hiện việc chỉnh lý sang tên mình trên GCNQSD đất vào ngày 18/6/2021 theo quy định của pháp luật. Ông H1 đã tiến hành sửa chữa, hoàn thiện căn nhà cũ để cả gia đình ở.

Ngày 01/11/2021, UBND xã P, huyện L ra quyết định số 1293/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H1, lý do: Chuyển đổi đất trồng cây hàng năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn. Diện tích vi phạm $10\text{m} \times 18\text{m} = 180\text{m}^2$. Hình phạt chính: phạt 4.000.000 đồng và buộc khắc phục hậu quả.

Ngày 09/12/2021, ông H1 đã thực hiện đóng tiền xử phạt.

Ngày 15/6/2022, UBND xã P tiếp tục ban hành Quyết định số 18/QĐ-UB về việc hủy bỏ Quyết định hành chính số 1293/QĐ-XPVPHC của Phó Chủ tịch UBND xã P do ban hành không đúng thẩm quyền.

Ngày 15/7/2022, Chủ tịch UBND huyện L tiếp tục ban hành Quyết định số 2286/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H1, với lý do: đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn thuộc thửa đất số 45 tờ bản đồ 21 tọa lạc tại ấp H, Phước H1, huyện L. Diện tích vi phạm là $343,1\text{m}^2$. Hình phạt chính 6.500.000 đồng. Buộc khắc phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Ngày 05/8/2022, ông H1 lại nhận được Quyết định số 2601/QĐ-CCXP của UBND huyện L về việc cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2286/QĐ-XPHC ngày 15/7/2022. Hậu quả cần khắc phục là: Chuyển đổi đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn thuộc thửa đất số 45 tờ bản đồ 21 tọa lạc tại ấp H, Phước H1, huyện L. Diện tích vi phạm là $343,1\text{m}^2$. Đồng thời, buộc khắc phục lại tình trạng ban đầu của đất.

Việc Chủ tịch UBND huyện L ban hành các Quyết định số 2286/QĐ-XPHC và Quyết định Quyết định số 2601/QĐ-CCXP đối với ông H1 là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H1, nên đề nghị Tòa án hủy các quyết định nêu trên.

** Người bị kiện có văn bản trình bày:*

- Về nguồn gốc đất số 45, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện L hiện nay ông H1 đang đứng tên đăng ký sử dụng:

+ Nguồn gốc đất là của bà Trần Thị B tự khai phá năm 1981, với diện tích 7.495m^2 (300m^2 thổ cư + 7.195m^2 cây lâu năm). Sử dụng đến tháng 6/2011 tách ra thành thửa số 45, bản đồ số 21 với diện tích 930m^2 , là loại đất trồng cây lâu năm. Tháng 7/2011, chuyển nhượng cho ông Trần Quốc T2. Ông T2 sử dụng đến tháng 11/2012 chuyển nhượng lại cho ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Mộng T3.

Ông N và bà T3 sử dụng đến tháng 7/2017 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị D. Ông T1 và bà D sử dụng đến tháng 6/2021 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Đức Du H1.

- Về quy hoạch sử dụng đất:

+ Ngày 20/3/2014, UBND tỉnh có Quyết định số 588 quy hoạch đến năm 2020, loại đất “cây lâu năm”,

+ Ngày 12/3/2019, UBND tỉnh có Quyết định số 548 quy hoạch đến năm 2020 và điều chỉnh sử dụng đất 05 tiếp theo, quy hoạch “khu vui chơi giải trí công cộng”;

+ Ngày 19/5/2020 UBND tỉnh có Quyết định số 1266 quy hoạch xây dựng phân khu tỷ lệ 1:2000 quy hoạch “khu đất cây xanh và thoát nước”;

+ Ngày 01/4/2022, UBND tỉnh có Quyết định số 1096 phê duyệt quy hoạch khu đất từ năm 2030 đến năm 2050, quy hoạch là “khu vui chơi giải trí công cộng”.

- Về quá trình xây dựng và xử phạt:

Đối với công trình xây dựng trên đất của ông H1 trước đây có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T1 và vợ là bà Vũ Thị D, ngày 28/6/2019 bị UBND xã P lập “*Biên bản vi phạm hành chính*” và có Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 170 ngày 01/7/2019 của UBND xã P đối với ông Nguyễn Văn T1. Thành 06/2021 ông T1 bà D chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông H1, trên đất có căn nhà của ông Toàn bà D xây dựng năm 2019 đã bị lập biên bản vi phạm và có quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 29/11/2021, UBND xã P lập Biên bản số 67/BB-VPHC vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Đức Du H1.

Ngày 01/12/2021, UBND xã P ban hành Quyết định số 1293/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông H1. Theo đó, ông H1 đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, xã P, diện tích vi phạm 180m² theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hình thức xử phạt: Phạt tiền với số tiền 4.000.000 đồng; Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Sau đó, nhận thấy Quyết định số 1293/QĐ-XPVPHC ngày 01/12/2021 của UBND xã P chưa đúng. Ngày 15/6/2022, UBND xã P ban hành Quyết định số 181/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định 1293/QĐ-XPVPHC ngày 01/12/2021 trong xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định.

Qua đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện ký ngày 14/7/2022, diện tích ông Nguyễn Đức Du H1 vi phạm là 343,1m².

Ngày 14/7/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có Biên bản số 01/BB-XM về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Đức Du H1.

Ngày 15/7/2022, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2286/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Đức Du H1. Theo đó, ông H1 đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, diện tích vi phạm 343,1m², theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ. Hình thức xử phạt: Phạt tiền với số tiền 6.500.000 đồng; Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Do đã hết thời hạn quy định nhưng ông H1 không tự nguyện chấp hành Quyết định số 2286/QĐ-XPVPHC nên ngày 05/8/2022 Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 2601/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Đức Du H1.

Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 2286/QĐ-XPVPHC ngày 15/7/2022 và Quyết định số 2601/QĐ-CCXP ngày 05/8/2022 là đúng theo trình tự, thủ tục và đúng thẩm, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Mai H6 trình bày tại phiên tòa ngày 03/3/2023: Bà là mẹ của ông H1, ông H1 đang là sinh viên năm 4 của trường đại học Bà Rịa - Vũng Tàu. Tháng 11 năm 2019, bà mua nhà đất của ông T1, bà D. Khi mua không ai nói gì về việc nhà ông T1 bị buộc tháo dỡ. Do đang mắc bệnh nan y nên tháng 5 năm 2021, Bà để cho ông H1 đứng tên hợp đồng chuyển nhượng đất. Ông H1 học ở Vũng Tàu nên thường ở nhà bà con ở đường Đ để thuận tiện cho việc học. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà đất thì vợ chồng Bà tiếp tục hoàn thiện và vào ở. Gia đình có 06 nhân khẩu đã ở trong nhà này từ năm 2020, nhưng đến tháng 02 năm 2021 mới đăng ký tạm trú tại Công an theo quy định.

Gia đình không xây dựng gì thêm, chỉ hoàn thiện nốt phần còn lại của công trình ông T1, bà D chuyển nhượng trước đây. Việc phía UBND huyện cho rằng có đến đo vẽ và lập biên bản xác minh ngày 14/7/2022 là hoàn toàn không có thật. Gia đình lúc nào cũng có người ở nhà, nhưng không hề biết về việc này. Chắc UBND

huyện lập biên bản xác minh để hợp thức hóa về thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ đất. Gia đình chưa bao giờ nhận được biên bản về việc đo vẽ đối với công trình vi phạm xây dựng cũng như biên bản xác minh ngày 14/7/2022. Yêu cầu UBND huyện chứng minh điều này trước Tòa án. Đề nghị Tòa án hủy các quyết định của UBND huyện theo yêu cầu khởi kiện của ông H1.

+ *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại:* Điều thống nhất với ý kiến của ông H1. Đề nghị Tòa án hủy các quyết định của UBND huyện theo yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa;

Phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Phía người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về trình tự thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định.

- Về nội dung:

Ngày 01/12/2021, UBND xã P ban hành Quyết định số 1293/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Đức Du H1. diện tích vi phạm 180m² và phạt tiền 4.000.000 đồng; Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Do Quyết định số 1293 của UBND xã P ban hành chưa đúng thẩm quyền, nên ngày 15/6/2022, UBND xã P ban hành Quyết định số 181/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định 1293. UBND xã P đã chuyển hồ sơ vi phạm hành chính lên UBND huyện để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 14/7/2022, cán bộ UBND huyện tiến hành lập “Biên bản xác minh” tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định. Theo biên bản thì ông H1 vi phạm về diện tích xây dựng công trình 343,1m² (Trong đó 180m² là do ông T1 xây dựng trước đây, ông H1 coi nói thêm 163,1m²).

Ngày 15/7/2022, UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2286 trên cơ sở nội dung của “Biên bản xác minh” ngày 14/7/2022. Tuy nhiên, “Biên bản xác minh” thể hiện diện tích ông H1 vi phạm là 343,1m² để xây dựng nhà 1 trệt 1 lầu, nhưng không có chữ ký của ông H1 trong Biên bản.

Gia đình ông H1 và ông H1 cho rằng, không hề biết và cũng không hề nhận được “Biên bản về việc đo vẽ” ngày 12/7/2022 và “Biên bản xác minh” ngày 14/7/2022 nêu trên. Biên bản đo vẽ cũng như biên bản xác minh không có ý kiến hay chữ ký của ông H1 hoặc người nhà chứng kiến. Người lập biên bản không giao cho ông H1 hoặc người nhà ông H1 một bản theo quy định.

Như vậy, UBND huyện đã vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục khi tiến hành đo vẽ lại hiện trạng đất vi phạm cũng như khi lập “Biên bản xác minh” để làm căn cứ xử phạt và đề lập lại thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2286 ngày 15/7/2022.

Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện ngày 01/7/2019, UBND xã P đã ban hành “Quyết định xử phạt vi phạm hành chính” số 170/QĐ-XPVPHC đối với ông T1. Buộc ông T1 phải thực hiện khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Tuy nhiên, hết thời hạn thực hiện khôi phục lại tình trạng của đất mà ông T1 vẫn không thực hiện nhưng UBND xã vẫn không ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T1 là vi phạm quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. “Biên bản vi phạm hành chính” và “Quyết định xử phạt vi phạm hành chính” số 170 đối với ông T1 đến nay vẫn còn tồn tại.

Như vậy, diện tích đất và công trình xây dựng do ông T1 thực hiện năm 2019 đã bị lập biên bản vi phạm và xử phạt, nay lại tiếp tục lập biên bản vi phạm và áp dụng xử phạt đối với ông H1 là vi phạm nghiêm trọng, trái với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi bổ sung năm 2020 và vi phạm quy định của Nghị định 118 ngày 23/12/2021. Cụ thể: Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập một biên bản và ra quyết định xử phạt một lần.

+ Xét Quyết định cưỡng chế 2601/QĐ-CCXP ngày 05/8/2022:

Do Quyết định số 2286 được ban hành đối với ông H1 là trái pháp luật, Quyết định số 2601 lại căn cứ quyết định này để ban hành, nên Quyết định số 2601 đã ban hành trái pháp luật.

Căn cứ các Điều: 3, 6, 28, 59, 65, 66, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Các Điều 7, 12, 13, Điều 15 Nghị định 118 ngày 23/12/2021 của Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Du H1, hủy Quyết định số 2286 và Quyết định số 2601 nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

+ Chủ tịch UBND huyện L phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng bị khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xác định đối tượng bị kiện là “Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” số 2286/QĐ-XPHC ngày 15/7/2022 (viết tắt: *Quyết định 2286*) và “Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” số 2601/QĐ-CCXP ngày 05/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện L (viết tắt: *Quyết định 2601*). Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính

[1.3] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định số 2286 và Quyết định số 2601 của Chủ tịch UBND huyện L được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định.

[1.4] Về tài liệu chứng cứ:

Tại phiên tòa các bên đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để xét xử.

[1.5] Về sự vắng mặt của các đương sự: Xét thấy, người khởi kiện, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; đương sự vắng mặt đã có ý kiến về vụ án đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng Hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính có căn cứ của Quyết định số 2286, nhận thấy:

Hành vi vi phạm hành chính do tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp để xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện L của ông Nguyễn Văn Toàn và của ông Nguyễn Đức Du H1 là có thật.

Ngày 28/6/2019, UBND xã P lập Biên bản số 38/BB-VPHC vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T1. Ông T1 đã ký tên vào biên bản vi phạm.

Ngày 01/7/2019, UBND xã P ban hành Quyết định số 170/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T1. diện tích vi phạm 190m². Xử phạt số tiền 1.500.000 đồng; Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Ngày 29/11/2021, UBND xã P lập Biên bản số 67/BB-VPHC vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Đức Du H1. Ông H1 đã ký tên vào biên bản vi phạm.

Ngày 01/12/2021, UBND xã P ban hành Quyết định số 1293/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Đức Du H1. diện tích vi phạm 180m². Xử phạt số tiền 4.000.000 đồng; Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (ông H1 đã nhận quyết định này và thực hiện việc đóng tiền vi phạm).

Nhận thấy Quyết định số 1293 của UBND xã P được ban hành là không đúng thẩm quyền. Ngày 15/6/2022, UBND xã P ban hành Quyết định số 181/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định 1293, đồng thời chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đối với ông H1 lên UBND huyện để giải quyết.

Để lập lại thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng như có cơ sở để xác định thẩm quyền giải quyết đối với ông H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 15 của Nghị định 118 ngày 23/12/2021. Theo trình bày của phía UBND huyện thì ngày 12/7/2022 và ngày 14/7/2022, UBND huyện cử cán bộ tiến hành đo vẽ hiện trạng đất vi phạm và lập “Biên bản xác minh” tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính. Theo “Mảnh trích đo địa chính” ký ngày 14/7/2022 và theo “Biên bản xác minh” thì ông H1 vi phạm diện tích xây dựng công trình là 343,1m² (*Trong đó 180m² là do ông T1 xây dựng trước đây, ông H1 coi nói thêm 163,1m²*).

Ngày 15/7/2022, UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2286 đối với ông H1.

Căn cứ khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 15 Nghị định 118 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được tính từ ngày lập biên bản xác minh. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H1 đúng thời hạn quy định.

Tuy nhiên, “Mảnh trích đo địa chính” lập ngày 12/7/2022 và “Biên bản xác minh” của UBND huyện lập ngày 14/7/2022 thể hiện nhiều tình tiết mâu thuẫn mà UBND huyện không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Cụ thể “Mảnh trích đo địa chính” thể hiện:

Diện tích thửa đất: 343,1m²; CLN: 343,1m²; Vị trí xây dựng trước: 180m²

Nhưng “Biên bản xác minh” ngày 14/7/2022 lại thể hiện: Qua đo đạc thực tế theo “Mảnh trích đo địa chính” của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện L ký ngày 14/7/2022 thì diện tích đất ông H1 vi phạm là 343,1m² để xây dựng nhà 1 trệt 1 lầu. Từ diện tích vi phạm xây dựng công trình 180m² theo Biên bản số 67/BB-VPHC ngày 29/11/2021 xã lập ông H1 có coi nói xây dựng thêm phần diện tích 163,1m² gồm các hạng mục:

- + Nhà Bếp và phòng ăn: 7m x 8m = 56m²
- + Nhà vệ sinh: 5m x 7m = 35m²
- + Hai hành lang hai bên nhà gồm: Hành lang bên trái: 1,4m x 26m = 36,4m²; Hành lang bên phải: 1,4m x 26m = 36,4m².

Lý do ông H1 không ký biên bản: Do ông H1 không có mặt.

Biên bản lập xong vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 14/7/2022 gồm 03 tờ, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và ký tên dưới đây. Giao cho ông Nguyễn Đức Du H1 là cá nhân vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ (*Kèm theo là sơ đồ mảnh trích đo địa chính ngày 14/7/2022 có đóng dấu của GĐCNVPĐKĐĐ huyện L*).

Thực tế, “Mảnh trích đo địa chính” không thể hiện ông H1 có coi nói xây dựng thêm phần diện tích 163,1m² gồm các hạng mục nêu trên.

Do có sự mâu thuẫn giữa nội dung của 02 biên bản, nhưng UBND huyện không xuất trình được “Biên bản đo vẽ” ngày 12/7/2022 có xác nhận của người vi phạm hoặc của người chứng kiến cũng như không chứng minh được “Biên bản xác minh” ngày 14/7/2022 là được lập tại nơi vi phạm là nhà đất của ông H1.

Gia đình ông H1 và ông H1 cho rằng, không hề biết và cũng không hề chứng kiến các buổi làm việc của cán bộ và cũng không hề nhận được các biên bản nêu trên. Gia đình gồm 06 nhân khẩu sống tại địa chỉ này từ năm 2020 và đăng ký tạm trú vào tháng 02/2021. Nhà có cổng, có cửa, vậy ai là người mở cửa cho hội đồng vào đo vẽ cũng như vào xác minh? Tại sao trong biên bản không có ý kiến hay chữ ký của ông H1 hoặc người nhà chứng kiến? Biên bản xác minh không giao cho ông H1 hoặc người nhà cam kết giao lại cho ông H1 hoặc thực hiện niêm yết theo quy định.

Như vậy, UBND huyện đã vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục khi tiến hành đo vẽ diện tích vi phạm cũng như khi lập “Biên bản xác minh”, tổng đạt các biên bản này để lập lại thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2286 ngày 15/7/2022.

Trường hợp “Biên bản xác minh” có vi phạm nhưng không ảnh hưởng đến

quyền lợi của ông H1 thì không cần thiết phải hủy. Tuy nhiên, do diện tích vi phạm trong “Biên bản vi phạm hành chính” là 180m², còn diện tích trong “Biên bản xác minh” là 343,1m² (tăng gần gấp đôi) mà ông H1 không được biết, không được nhận “Biên bản xác minh” theo quy định của pháp luật là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H1.

Theo quy định của pháp luật thì “Biên bản xác minh” không thể thay thế “Biên bản vi phạm hành chính”. Bởi, theo quy định tại khoản 8 Điều 58 Luật số 67/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì biên bản vi phạm hành chính là căn cứ để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, Ngày 28/6/2019, UBND xã P đã lập “Biên bản vi phạm hành chính” đối với ông T1 do có hành vi tự ý chuyển đổi đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp đối với diện tích xây nhà 10m x 19m = 190m².

Ngày 01/7/2019, UBND xã P đã ban hành “Quyết định xử phạt vi phạm hành chính” số 170/QĐ-XPVPHC đối với ông T1 số tiền 1.500.000đồng. Buộc ông T1 phải thực hiện khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Phải thực hiện trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn thực hiện khôi phục lại tình trạng của đất mà ông T1 vẫn không thực hiện nhưng UBND xã vẫn không ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T1 là vi phạm quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020) dẫn đến việc ngày 10/11/2019, ông T1 đã lập hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất này cho ông H1. Ngày 20/5/2021, hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất rồi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng đứng tên mình theo quy định mà không hề hay biết là nhà xây dựng đã bị xử phạt vi phạm hành chính buộc phải tháo dỡ. Ông H1 tiếp tục hoàn thiện công trình sử dụng cho đến nay.

“Biên bản vi phạm hành chính” và “Quyết định xử phạt vi phạm hành chính” số 170 đối với ông T1 đến nay vẫn còn tồn tại, chưa bị thu hồi hủy bỏ hay xử lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy, diện tích đất và công trình xây dựng do ông T1 thực hiện năm 2019 đã bị lập biên bản vi phạm và xử phạt, nay lại tiếp tục lập biên bản vi phạm và áp dụng xử phạt đối với ông H1 là có sự chồng chéo và vi phạm nghiêm trọng, trái với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi bổ sung năm 2020. Cụ thể: Một hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần và vi phạm điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định 118 ngày 23/12/2021. Cụ thể: Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập một biên bản và ra quyết định xử phạt một lần.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính được sửa

đổi năm 2020 thì thời hạn tối đa phải xử lý vi phạm không quá 30 ngày. Việc UBND huyện để kéo dài thời gian xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H1 08 tháng 16 ngày là vi phạm nghiêm trọng về thời hạn xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, UBND huyện L ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2286 ngày 15/7/2022 đã căn cứ “Biên bản vi phạm hành chính” số 67 ngày 29/11/2021 và “Biên bản xác minh” số 01 ngày 14/7/2022, nhưng không áp dụng khoản 3 Điều 15 Nghị định số 118 ngày 23/12/2021 quy định về thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tính lại thời hạn xử lý là có sai sót.

[2.2] Xét tính có căn cứ của Quyết định cưỡng chế số 2601, nhận thấy:

Do Quyết định số 2601/QĐ-CCXP ngày 05/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2286/QĐ-XPVPHC đối với ông Nguyễn Đức Du H1. Trong khi Quyết định 2286 đối với ông H1 là trái pháp luật, nên cần thiết phải hủy Quyết định số 2601/QĐ-CCXP ngày 05/8/2022 để Chủ tịch UBND huyện L thực hiện lại nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ phân tích, nhận định nêu trên, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Du H1, hủy Quyết định số 2286 và Quyết định số 2601 nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Chi phí thẩm định tại chỗ hết: 1.200.000 đồng
Ông H1 tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp đủ).

[4] Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 6; điểm a điểm b khoản 1 Điều 28; Điều 59; điểm c khoản 1 khoản 2 Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 66; điểm c khoản 1 Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); điểm a khoản 2 Điều 7; khoản 1 khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 3 Điều 15 Nghị định 118 ngày 23/12/2021 của Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Du H1;

Hủy “Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” số 2286/QĐ-XPHC ngày 15/7/2022 và hủy “Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” số 2601/QĐ-CCXP ngày 05/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện L đối với ông Nguyễn Đức Du H1, do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Diện tích vi phạm là 343,1m².

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

+ Trả lại cho ông Nguyễn Đức Du H1 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000397 ngày 21/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Ngọc Thiện